

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày 30-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

Ông Dương Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Mãi - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn T-BC1, sinh năm 1994 tại An Minh, Kiên Giang; Giới tính nam; Nơi cư trú: ấp TL, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 7/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị A; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 18-10-2013, bị UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định số 2473/QĐUB đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng và trộm cắp tài sản; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28-4-2019 cho đến nay (có mặt).

2- Trương Út D-BC2, sinh năm 1986 tại An Minh, Kiên Giang; Giới tính nam Nơi cư trú: ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang; Nghề nghiệp mua bán; trình độ văn hóa 8/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Trương Văn Th1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th2 (đã chết); vợ là Huỳnh Quỳnh Nh và có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại

ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo D-BC2: ông Trần Tuấn Anh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

Bị hại:

+ Chị Lê Thị Thúy Q-BH1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Xin vắng mặt);

+ Chị Lê Thị Kim N-BH2, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Xin vắng mặt);

+ Anh Lê Minh K-BH3, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Xin vắng mặt);

- Đại diện theo ủy quyền giải quyết phân dân sự cho bị hại: Ông Lê Minh V, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 28/12/2017 Nguyễn Văn T-BC1 điều khiển xe máy (không nhớ rõ biển kiểm soát) đi từ huyện An Biên về nhà ở ấp TL, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Khi đến cầu Treo Thứ 8, T-BC1 điều khiển xe qua cầu rồi chạy theo tuyến lộ đal bờ X sông Xẻo Rô về hướng Thứ 11. Khi đến nhà ông Lê Minh V ở ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thấy có nhiều bụi gà để trước nhà nên T-BC1 nảy sinh ý định vào trộm cắp gà. T-BC1 điều khiển xe qua khỏi nhà ông V khoảng 10 mét rồi dừng xe đậu ngoài lộ đal. T-BC1 đi vào đường cửa sau vào nhà thấy có 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 của anh Lê Minh K-BH3 để trên bộ vạt, T-BC1 lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi tiếp tục vào giường của Lê Thị Thúy Q-BH1 và Lê Thị Kim N-BH2 đang nằm ngủ, thấy có 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold của Lê Thị Thúy Q-BH1, 01 điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold và 01 túi xách nữ của Lê Thị Kim N-BH2 để trên giường ngủ. T-BC1 lấy 02 điện thoại bỏ vào túi quần, còn túi xách đem ra cửa sau lấy toàn bộ số tiền trong túi xách khoảng 11.000.000 đồng và 01 giấy đăng ký xe máy được kẹp vào tiền bỏ lại túi xách rồi ra xe chạy về nhà. T-BC1 ném bỏ giấy đăng ký xe máy xuống Kênh TL.

Đến khoảng 08 giờ ngày 29/12/2017 Nguyễn Văn T-BC1 đến quán cà phê của ông Đẩu ở Ngã Tư Xẻo Đồi thuộc ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang gặp Trương Út D-BC2 thì T-BC1 đưa chiếc điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold cho D-BC2 nhờ chạy lại chương trình do không mở máy được và bán nếu có giá thì cho tiền D-BC2 uống cà phê. D-BC2 hỏi nguồn gốc điện thoại thì T-BC1 nói lấy trộm ở Thứ 8 thì D-BC2 nhận điện thoại và mang về nhà.

Đến 08 giờ ngày 30/12/2017, D-BC2 mang điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold đến tiệm điện thoại PT ở ấp Rọ Ghe, xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang để chạy lại chương trình và hỏi giá bán điện thoại. Chủ tiệm cho biết mua lại với giá từ 2.500.000 đồng đến 2.800.000 đồng. D-BC2 gửi lại điện thoại cho tiệm chạy lại chương trình rồi ra quán nước gần đó uống nước thì gặp T-BC1. T-BC1 nói cần tiền gấp nên bán lại điện thoại cho D-BC2 với giá là 2.000.000 đồng. D-BC2 thấy điện thoại còn mới nên đồng ý mua để sử dụng và đưa cho T-BC1 2.000.000 đồng. Sau đó D-BC2 về nhà khoảng 30 phút sau thì bị lực lượng Công an huyện An Minh mời về làm việc. T-BC1 biết tin D-BC2 bị mời làm việc nên bỏ trốn lên Bình Dương bán điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 với số tiền 500.000 đồng (không rõ nhân thân lai lịch người mua); cầm điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold với số tiền là 1.000.000 (không nhớ tên địa chỉ tiệm cầm điện thoại) cùng với số tiền trộm cắp được tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 26/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (một) điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold của chị Lê Thị Kim N-BH2 giá trị còn lại là 9.592.000 đồng; 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold của chị Lê Thị Thúy Q-BH1 giá trị còn lại là 6.640.500 đồng; 01 (một) điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 của anh Lê Minh K-BH3 giá trị còn lại là 1.145.000 đồng. Tổng số tài sản mà Nguyễn Văn T-BC1 lấy trộm có giá trị là 28.377.500 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện An Minh đã thu giữ: 01 (một) điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold. Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSAM ngày 08-7-2019 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Nguyễn Văn T-BC1 về tội “Trộm cắp

tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, Trương Út D-BC2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Kiểm sát viên kết luận bị cáo T-BC1 phạm tội trộm cắp tài sản và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T-BC1 từ 9 đến 12 tháng tù.

Kết luận bị cáo D-BC2 phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D-BC2 từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập do bị cáo thuộc hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo T-BC1 bồi thường cho các bị hại số tiền còn lại (khấu trừ số tiền 10 triệu đồng trả tại phiên tòa).

- Bị cáo T-BC1 trình bày: thừa nhận hành vi như cáo trạng đã nêu; xin lỗi gia đình bị hại.

- Bị cáo D-BC2 trình bày: Thừa nhận hành vi như cáo trạng đã nêu.

- Người bào chữa cho bị cáo D-BC2: Thống nhất với tội danh và đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét thêm: bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phạt mức đầu đề nghị của Kiểm sát viên là đủ răn đe và phù hợp.

- Đại diện bị hại: Đồng ý nhận số tiền gia đình bị cáo bồi thường thêm tại phiên tòa là 10 triệu đồng, số còn lại yêu cầu bị cáo hoàn trả theo quy định. Xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo trình bày đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trước đó tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản nên khoảng 00 giờ ngày 28/12/2018 tại ấp 8 X I, xã ĐH2, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang Nguyễn Văn T-BC1 đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 của anh Lê Minh K-BH3; 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold của chị Lê Thị Thúy Q-BH1; 01 điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold và 11.000.000 đồng của chị Lê Thị Kim N-BH2. Tổng số tài sản mà Nguyễn Văn T-BC1 lấy trộm có giá trị là 28.377.500 đồng. Sau khi lấy trộm tài sản, T-BC1 lấy 01 điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold bán cho Trương Út D-BC2 với giá là 2.000.000 đồng nói là tài sản trộm cắp ở Thứ 8. D-BC2 đồng ý mua và đưa cho T-BC1 2.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T-BC1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của họ, tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 28.377.500đ (trên 2 triệu đồng và dưới 50 triệu đồng). Do đó, Viện kiểm sát truy tố và kết luận bị cáo T-BC1 phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo T-BC1 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự, gây tâm lý bất an trong dư luận quần chúng; bị cáo có nhân thân xấu là đã từng bị đưa vào cơ sở giáo dục nhưng vẫn chưa sửa chữa, tiếp tục vi phạm pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cũng thấy rằng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa gia đình bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. HĐXX thấy bị cáo tuy có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu nên cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội và

nhân thân của bị cáo.

[5] Bị cáo D-BC2 biết rõ số tài sản mà bị cáo T-BC1 có được từ trộm cắp nhưng đã mua tài sản để sử dụng là đã phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo D-BC2 đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội và sự bất bình trong nhân dân. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. HĐXX thấy bị cáo D-BC2 có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng nhưng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về cho gia đình và địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp. HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và Người bào chữa, áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo bằng hình phạt cải tạo không giam giữ. Do bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo nên HĐXX miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong quá trình thi hành án hình sự.

[6] Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại N-BH2 chiếc điện thoại SONY Xperia Z5 Dual E683 Gold. Việc trao trả này là đúng quy định nên ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại trị giá số tài sản bị chiếm đoạt theo Điều 48 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, gia đình bị cáo đã hoàn trả cho chị N-BH2 được 10 triệu đồng (do ông V đại diện nhận). Do đó, bị cáo còn phải hoàn trả cho Lê Thị Kim N-BH2 số tiền 1.000.000 đồng; hoàn trả cho Lê Thị Thúy Q-BH1 giá trị chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold với số tiền là 6.640.500 đồng; Hoàn trả Lê Minh K-BH3 giá trị chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 với số tiền là 1.145.000 đồng.

[9] Về án phí, bị cáo T-BC1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí nghĩa vụ hoàn trả tài sản là $(1.000.000đ + 6.640.500đ + 1.145.000đ) \times 5\% = 439.275đ$, tổng cộng là 639.275đ. Bị cáo D-BC2 là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T-BC1 phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Căn khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T-BC1 9 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam là ngày 28-4-2019.

2- Tuyên bố: Bị cáo Trương Út D-BC2 phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Út D-BC2 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo D-BC2 cho Ủy ban nhân dân xã ĐH A, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án đối với bị cáo Trương Út D-BC2.

3- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo T-BC1 hoàn trả cho các bị hại như sau: hoàn trả cho Lê Thị Kim N-BH2 số tiền 1.000.000 đồng; hoàn trả cho Lê Thị Thúy Q-BH1 giá trị chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J7 Pro Gold với số tiền là 6.640.500 đồng; Hoàn trả Lê Minh K-BH3 giá trị chiếc điện thoại SAMSUNG GALAXY J1 với số tiền là 1.145.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (của người được thi hành án về tiền) nếu bị cáo T-BC1 không trả tiền thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4- Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn T-BC1 chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 439.275đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo T-BC1 phải chịu 639.275đ. Bị cáo D-BC2 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4- Bị cáo, bị hại vắng mặt nhưng có người đại diện có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 30-7-2019).

Trường hợp bản án này được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; NLQ;
- Sở TP tỉnh KG;
- Công an huyện, tỉnh;
- UBND xã ĐH A, AM, KG;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công